

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thùy Dương** - Tác động của khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và chính sách hỗ trợ của Chính phủ đến hiệu quả doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. **Mã số: 160.1DEco.11** 3
Impact of the Covid-19 Epidemic Crisis and Governmental Policies on the Business Performance of FDI Enterprises in Vietnam
- 2. Hồ Thị Lam** - Tác động của đô la hóa đến tăng trưởng kinh tế: bằng chứng tại các quốc gia ASEAN. **Mã số: 160.1SMET.11** 14
The Impact of Dollarization on Economic Growth: Empirical Evidence in ASEAN Countries
- 3. Nguyễn Thị Phương Thảo và Trương Bảo Quỳnh Trâm** - Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia vào nền kinh tế chia sẻ của người tiêu dùng Việt Nam thông qua nền tảng Airbnb. **Mã số: 160.1TrEM.11** 25
Factors Affecting Consumers' Intention to Participate in the Sharing Economy Through the Airbnb Platform

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Nguyễn Văn Ít** - Mối quan hệ giữa sản xuất tinh gọn, quản lý chất lượng và hiệu suất kinh doanh tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh. **Mã số: 160.2BAdm.21** 36
The Relationship Between Lean Production, Quality Management and Business Performance at Manufacturing Enterprises in Ho Chi Minh City
- 5. Bùi Thị Hoàng Lan và Nguyễn Văn Anh** - Động cơ nào ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam. **Mã số: 160.2BMkt.21** 46
Which Motivations Affect Vietnamese Consumers' Intention to Buy Organic Food

- 6. Nguyễn Hữu Cường và Phan Thị Vũ My** - Mức độ tuân thủ công bố thông tin trong báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty đại chúng chưa niêm yết ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng. **Mã số: 160.2FiBa.21** 60
Mandatory Disclosure in Interim Financial Statements of Unlisted Public Companies in Vietnam and Influencing Factors
- 7. Nguyễn Thị Ngọc Lan** - Tác động của chi phí trách nhiệm xã hội tới hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: 160.2FiBa.21** 72
The Impacts of Costs of Social Responsibility on Financial Performances of Enterprises in Vietnam
- 8. Lê Thị Nhung** - Nhân tố tác động đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng niêm yết ở Việt Nam. **Mã số: 160.2FiBa.21** 83
Factors Affecting Information Disclosure on Social Responsibility of Listed Building Materials Enterprises in Vietnam
- 9. Phạm Hùng Cường và Đồng Ngọc Trà My** - Các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn các sản phẩm ống hút thân thiện với môi trường của người tiêu dùng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. **Mã số: 160.2BMkt.21** 95
The Factors Affecting the Choice of Environmentally Friendly Straw Products of Consumers in the Ho Chi Minh City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Nguyễn Thu Hương và Nguyễn Thị Thu Hương** - Những yếu tố của thương hiệu trường đại học và sự ảnh hưởng tới bản sắc nhà trường: Nghiên cứu trường hợp Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-SIS). **Mã số: 160.3BMkt.31** 107
Factors of university brand and its influence on the identity at university: VNU – School of Interdisciplinary Studies (VNU - SIS)

TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG DỊCH BỆNH COVID-19 VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ ĐẾN HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP FDI TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thùy Dương
Trưởng Đại học Thương mại
Email: duong.nt@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 14/09/2021

Ngày nhận lại: 12/11/2021

Ngày duyệt đăng: 17/11/2021

*B*ài viết nghiên cứu thực trạng tác động của khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và các giải pháp chính sách hỗ trợ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FDI. Kết quả nghiên cứu cho thấy khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI; nhưng lại tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ và không có tác động đáng kể đến khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp này. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ thời gian qua đã tác động tích cực đến kết quả kinh doanh, đến khả năng kết nối chuỗi cung ứng; nhưng không có tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ của các doanh nghiệp FDI. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp tới các doanh nghiệp FDI và Nhà nước nhằm giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh hiện nay.

Từ khóa: Đầu tư nước ngoài, FDI, COVID-19, khủng hoảng, dịch bệnh.

JEL Classifications: O38, O44

1. Mở đầu

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có vai trò quan trọng đối với thương mại toàn cầu, chiếm khoảng 80% tổng kim ngạch xuất khẩu, cũng như đóng góp tích cực vào nền kinh tế các nước đang phát triển. Như tại Việt Nam, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, các doanh nghiệp khu vực FDI cũng chiếm khoảng 25,7% tăng trưởng của nền kinh tế và 19,6% GDP năm 2019 của Việt Nam. Dòng vốn FDI tăng qua các năm, chiếm khoảng 23-24% vốn đầu tư xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến các doanh nghiệp FDI, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng, đặc biệt hoạt động xuất nhập khẩu, vốn có sự đóng góp lớn của các doanh nghiệp FDI (VCCI, 2020; Nguyễn Quang Thuấn, 2020). Khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 xói mòn niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài do môi trường kinh doanh bất ổn, chính sách thương mại và đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu, giá hàng hóa giảm và chủ

nghĩa bảo hộ gia tăng. Đại dịch đã làm gián đoạn các chuỗi giá trị toàn cầu, và một loạt các cú sốc cung cầu đe dọa khả năng tồn tại của các doanh nghiệp đa quốc gia.

Để phác họa bức tranh toàn cảnh về thực trạng các doanh nghiệp FDI bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, cũng như đưa ra giải pháp hỗ trợ cấp thiết cho khối doanh nghiệp này trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, tác giả lựa chọn nghiên cứu “Tác động của khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và chính sách hỗ trợ của chính phủ đến hiệu quả doanh nghiệp FDI tại Việt Nam”.

2. Cơ sở lý luận

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2008), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hoạt động đầu tư nhằm mục tiêu thiết lập lợi ích lâu dài của một doanh nghiệp cư trú tại một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) vào một doanh nghiệp (doanh nghiệp đầu tư trực tiếp) cư trú tại một nền kinh tế khác của nhà đầu tư trực tiếp. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO, 1996) định nghĩa: đầu tư trực tiếp

nước ngoài (FDI) xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó.

Các bộ luật hiện hành tại Việt Nam không định nghĩa về doanh nghiệp FDI. Luật Đầu tư 2020 chỉ nêu khái quát về “Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông” (Khoản 17, Điều 3). Như vậy, có thể hiểu một cách cơ bản, doanh nghiệp FDI là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, thường gồm: doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp có cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đầu tư (góp vốn thành lập, mua vốn góp). Với bản chất nước ngoài, doanh nghiệp FDI phải đối mặt với những thách thức về các rào cản chính sách, khác biệt văn hóa, rủi ro đầu tư tại nước đầu tư; nhưng cũng tận dụng được những lợi thế về thị trường, nguồn nguyên liệu và nhân công giá rẻ, lợi thế về công nghệ, nguồn vốn... (Dunning, 1980; Root, 1987). Nói cách khác, doanh nghiệp FDI có sự phụ thuộc lớn vào tình hình kinh tế, chính trị và xã hội tại nước sở tại; sự phụ thuộc này thể hiện rõ nét khi khủng hoảng xảy ra, như trong bối cảnh đại dịch COVID-19 hiện nay.

2.1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp FDI

Khi khủng hoảng xảy ra, môi trường kinh doanh có sự biến động mạnh. Trước đại dịch COVID-19, chính phủ các nước buộc phải áp dụng các biện pháp thắt chặt an ninh, hạn chế lưu thông thương mại và hành khách, đóng cửa biên giới/thành phố, thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tiếp xúc và đi lại của người dân. Đối với các doanh nghiệp FDI, hoạt động sản xuất kinh doanh càng khó khăn hơn trong giai đoạn khủng hoảng khi phải thích nghi với những thay đổi chính sách của chính phủ, trong khi vẫn phải duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả kinh tế (Amankwah-Amoah và cộng sự, 2020). Đại dịch COVID-19, là một yếu tố vĩ mô, có tác động sâu rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI nói riêng (Wenzel và cộng sự, 2020; Amankwah-Amoah và cộng sự, 2020; NEU-JICA, 2020). Cụ thể:

Thứ nhất, phải làm việc từ xa (tại nhà), lao động khó khăn, không thể đảm bảo tính liên tục bởi giãn cách xã hội: Khủng hoảng dịch bệnh khiến nhiều

doanh nghiệp FDI áp dụng một số biện pháp giảm thiểu như làm việc từ xa, giảm giờ làm, đóng cửa văn phòng... (Shafi và Ren, 2020). Các biện pháp này làm hạn chế doanh thu và lợi nhuận, nhưng mức giảm các chi phí vận hành liên quan là không đáng kể đã khiến nhiều doanh nghiệp FDI hướng đến biện pháp thu nhỏ quy mô lao động, cụ thể là cắt giảm và sa thải hàng loạt để giảm bớt gánh nặng tài chính, nhưng thực tế lại làm ngưng trệ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp FDI. Nhìn chung, dịch bệnh đã gây ra những khó khăn về mặt lao động cho doanh nghiệp FDI, khiến các doanh nghiệp này không thể đảm bảo tính liên tục bởi giãn cách xã hội.

Thứ hai, nguyên vật liệu đầu vào khó tiếp cận, đặc biệt nguồn nhập khẩu: Đại dịch đã tạo ra cú sốc về khả năng tiếp cận nguyên vật liệu, khiến nhiều doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các doanh nghiệp chủ yếu nhập khẩu yếu tố đầu vào gặp khó khăn trong việc nhập khẩu các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh. Mặc dù chính phủ các nước luôn nỗ lực duy trì chuỗi cung ứng hàng hóa và đặc biệt ưu tiên lưu thông các loại hàng hóa thiết yếu, nhưng do các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, các quy định về cách ly, giãn cách xã hội, hiện tượng chuỗi cung ứng nội địa cũng như quốc tế bị đứt gãy vẫn xuất hiện và làm gián đoạn nguồn cung nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp FDI. Việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào gây khó khăn cho các doanh nghiệp FDI trong việc hoàn thành các đơn hàng đã đặt trước cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh (Wenzel và cộng sự, 2020).

Thứ ba, nhu cầu giảm do thị trường bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, đặc biệt thị trường xuất khẩu quốc tế: Khủng hoảng dịch bệnh lan rộng khiến nhu cầu thương mại quốc tế giảm; đồng thời hoạt động giao thương hạn chế, đã tác động nặng nề đến các doanh nghiệp FDI vốn mang bản chất thương mại quốc tế, dẫn đến việc giãn, hủy, hoãn các đơn đặt hàng, gây sụt giảm mạnh sản lượng đầu ra của các doanh nghiệp FDI. Nhiều doanh nghiệp khách hàng tại các thị trường xuất khẩu gặp khó khăn và phải đóng cửa vĩnh viễn hoặc nhiều doanh nghiệp đứng trước bờ vực đóng cửa và sụp đổ. Điều này cũng làm giảm lượng khách hàng hiện tại và tiềm năng của các doanh nghiệp FDI, từ đó làm suy giảm trầm trọng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, các biện pháp ngăn chặn do các chính phủ đưa ra và hơn thế nữa đã đặt ra giới hạn đối với việc đi lại đã ngăn

chặn hoặc cắt giảm nhu cầu trong một số lĩnh vực như vận tải hàng không, du lịch, ô tô, ... (Shafi và Ren, 2020).

Thứ tư, các thủ tục quy trình phức tạp hơn vì kiểm dịch, phòng chống dịch trong nước và tại các thị trường thế giới: để đối phó với cuộc khủng hoảng dịch bệnh, các chính phủ trên toàn cầu đã chấp nhận việc đóng cửa biên giới, thiết lập các biện pháp ngăn cách xã hội, hạn chế đi lại, kiểm dịch và ban hành các chỉ thị và hướng dẫn cho các doanh nghiệp nói chung, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI. Các thủ tục quy trình trở nên phức tạp hơn gây khó khăn và tốn thời gian cho các doanh nghiệp FDI trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số doanh nghiệp FDI buộc phải “cạnh tranh về vấn đề vệ sinh” trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh để giảm thiểu khả năng lây truyền dịch bệnh (Morikawa, 2021).

Nhìn chung, khủng hoảng dịch bệnh làm cho các doanh nghiệp FDI không còn phù hợp với bối cảnh môi trường mới. Dịch bệnh làm thiếu hụt nguồn cầu, dẫn đến cạn kiệt nguồn tài chính và dự trữ của khối doanh nghiệp này, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, gây ra tình trạng kiệt quệ trong tổ chức và làm suy yếu vị thế của các doanh nghiệp FDI. Nhìn chung, khủng hoảng dịch bệnh tác động đến: doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động, sản lượng đầu ra, kết nối chuỗi cung ứng, tình hình tài chính, quy mô lao động... của khối doanh nghiệp này. Vì vậy, các doanh nghiệp FDI cần phải có sự điều chỉnh và thời gian để cân bằng thích nghi với môi trường mới hoặc đợi qua giai đoạn khủng hoảng để phục hồi và phát triển. Điều này đòi hỏi những nỗ lực từ phía các doanh nghiệp FDI và từ phía các chính sách của Nhà nước.

Trên cơ sở những lý luận trên, giả thuyết thứ nhất được đề xuất:

Giả thuyết 1: Dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực (H1a) đến hoạt động sản xuất kinh doanh, (H1b) đến khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng, và (H1c) đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp FDI.

2.2. Tác động của chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp FDI

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp bị ảnh hưởng và phải dừng hoạt động quá lâu, sẽ không tránh khỏi một làn sóng phá sản doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với khu vực FDI, việc bị thiệt hại nặng nề do dừng sản xuất có thể buộc các doanh

nh nghiệp này phải rút khỏi thị trường, kéo theo giá trị sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của nước tiếp nhận đầu tư bị sụt giảm, ảnh hưởng tới thu ngân sách nhà nước, làm gia tăng thất nghiệp và gánh nặng an sinh xã hội (Lejano và Shankar, 2013).

Vì vậy, chính sách hỗ trợ của chính phủ trong bối cảnh dịch bệnh có vai trò quan trọng đối với hoạt động của các doanh nghiệp này. Việc ban hành và thực thi hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho phép các doanh nghiệp FDI duy trì hoạt động và vượt qua được thời kỳ khó khăn do dịch bệnh gây ra. Các chính sách hỗ trợ khối doanh nghiệp này tập trung phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp trụ vững, vượt qua các tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19.

Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp FDI Trong điều kiện dịch bệnh của chính phủ còn bao gồm việc triển khai chiến lược tiêm vaccine phòng COVID-19 cho các lao động ở khu vực doanh nghiệp FDI, duy trì tốt chuỗi cung ứng, đặc biệt là cung ứng lao động cho các doanh nghiệp FDI; tạo điều kiện hơn nữa cho các chuyên gia nước ngoài Được nhập cảnh trên cơ sở bảo đảm an toàn về dịch bệnh... Việc vận dụng, thực hiện các chính sách tài khóa, tài chính, tiền tệ linh hoạt để tiếp tục hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI cũng có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo tình hình tài chính doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp FDI ứng dụng các giải pháp công nghệ số có tác động thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm và nâng cao khả năng thích ứng với điều kiện kinh doanh mới (Volberda và các cộng sự, 2012).

Việc đảm bảo nguyên tắc phải luôn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô khi đưa ra chính sách hỗ trợ cho phép phát huy tối đa hiệu quả của các chính sách đối với khối doanh nghiệp FDI. Điều này thể hiện ở việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, giữ lạm phát và lãi suất ở mức thấp, tỷ giá ổn định, đầu tư công được thực hiện đúng mục đích và giám sát tốt, môi trường đầu tư được cải thiện, từ đó đảm bảo khả năng phục hồi kinh tế của các doanh nghiệp sau dịch bệnh.

Về cơ bản, các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp FDI tập trung vào một số nội dung chính, bao gồm chính sách về thuế (miễn, giảm, trả chậm); chính sách hỗ trợ tài chính (tín dụng ưu đãi, tái cấu trúc nợ hiện có, trợ cấp, bảo lãnh vay vốn); chính sách nới

lồng các quy định kinh doanh và lao động (thời gian lao động linh hoạt, cam kết và chi phí tuyển dụng và sa thải...); và chính sách tài chính thương mại (miễn giảm thuế - phí xuất nhập khẩu, hỗ trợ thông thương, vận chuyển...). Các chính sách này không chỉ có tác động tích cực đáng kể đối với việc duy trì tính ổn định và tháo gỡ khó khăn cho khối doanh nghiệp FDI mà còn là tiền đề để các doanh nghiệp này nhanh chóng hồi phục và tăng trưởng sau thời kỳ dịch bệnh.

Tuy nhiên, Gammeltoft và các cộng sự (2012) cho rằng trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh, thách thức đặt ra với các doanh nghiệp FDI là sự không tương thích của các quy trình, quyết định và thói quen kinh doanh của các doanh nghiệp này với các tiêu chuẩn, quy định, chỉ thị và chính sách hỗ trợ của chính phủ. Vì vậy, để tận dụng được tối đa những tác động tích cực của các chính sách hỗ trợ từ chính phủ mang lại, các doanh nghiệp FDI cần linh hoạt áp dụng và thay đổi mô hình kinh doanh để nắm bắt kịp thời các quy định và chính sách hỗ trợ mới của chính phủ.

Nhìn chung, các chính sách hỗ trợ của chính phủ có tác động đáng kể đến hoạt động của các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh. Trên cơ sở những lý luận trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết thứ hai như sau:

Giả thuyết 2: Chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tác động tích cực (H2a) đến hoạt động sản xuất kinh doanh, (H2b) đến khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng, và (H2c) đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp FDI.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu, tác giả thu thập dữ liệu thứ cấp từ sách, báo, báo cáo, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề. Các nội dung thu thập được tập trung vào các vấn đề như: tác động của đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp FDI, tác động của chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp FDI... Từ các dữ liệu thu được, tác giả thực hiện sàng lọc, phân loại và xử lý thông tin. Từ đó, tác giả xây dựng cơ sở lý luận với bộ thang đo nghiên cứu với các biến quan sát theo thang đo Likert 5 điểm như bảng 1:

Để đánh giá thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh Covid-19, tác giả thực hiện khảo

sát điều tra bằng hỏi. Khảo sát được thực hiện trong giai đoạn đầu năm 2021 bằng thư điện tử gửi đến hơn 300 doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam; và kết quả thu được 216 bảng trả lời hợp lệ của đáp viên là thành viên HĐQT (Hội đồng quản trị - 31,02%) và Ban lãnh đạo (60,19%) của doanh nghiệp FDI; từ đó hình thành mẫu nghiên cứu được tổng hợp trong bảng 2 dưới đây:

Về phân bố mẫu, đa phần các doanh nghiệp FDI được thành lập từ 3 - 5 năm, chiếm 43,52%; các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh (29,63%), Hà Nội (18,06%), Bình Dương (12,96%). Doanh nghiệp 100% vốn FDI chiếm ưu thế, với tỷ lệ chiếm tới 59,26%. Hầu hết doanh nghiệp tham gia khảo sát là doanh nghiệp lớn với quy mô lao động trên 300 người (42,13%) và quy mô doanh thu từ 300 đến 1000 tỷ đồng (36,11%).

Về phương pháp phân tích, nghiên cứu sử dụng mô hình SEM để đánh giá tác động của khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động của các doanh nghiệp FDI cũng như tác động của các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI. Mô hình SEM phối hợp được tất cả các kỹ thuật như hồi quy đa biến, phân tích nhân tố và phân tích mối quan hệ hỗ tương để cho phép kiểm tra mối quan hệ phức hợp giữa các biến, đặc biệt các tác động trung gian từ các biến độc lập đến biến phụ thuộc. SEM cho phép ước lượng đồng thời các phần tử trong tổng thể mô hình, ước lượng mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm tiềm ẩn qua các chỉ số kết hợp cả đo lường và cấu trúc của mô hình lý thuyết, đo các mối quan hệ ổn định và không ổn định, đo các ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp của các biến độc lập (khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và các giải pháp chính sách hỗ trợ của Nhà nước), vai trò của biến trung gian (thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và chuỗi cung ứng), đến biến phụ thuộc là kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích mô hình SEM thu được kết quả như bảng và hình dưới. Các chỉ số phù hợp thu được (CMIN/DF = 1,384; IFI = 0,982; TLI rho2 = 0,978; CFI = 0,982; RMSEA = 0,041; PCLOSE = 0,850) đều cho các giá trị đạt chuẩn cho phép khẳng định mô hình SEM đạt mức tin cậy (bảng 3).

Bảng 1: Bộ thang đo nghiên cứu

STT	Biến nghiên cứu	Ký hiệu	Nguồn tác giả
1	Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp FDI trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19	COVI	Wenzel và cộng sự (2020); Amankwah-Amoah và cộng sự (2020); Shafi và Ren (2020)
	✓ <i>Làm việc từ xa (tại nhà), lao động khó khăn, không thể đảm bảo tính liên tục bởi giãn cách xã hội</i>	COVI1	
	✓ <i>Nguyên vật liệu đầu vào khó tiếp cận, đặc biệt nguồn nhập khẩu</i>	COVI2	
	✓ <i>Nhu cầu giảm do thị trường bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, đặc biệt thị trường xuất khẩu quốc tế</i>	COVI3	
	✓ <i>Các thủ tục quy trình phức tạp hơn vì kiểm dịch, phòng chống dịch trong nước và tại các thị trường thế giới</i>	COVI4	
2	Chính sách hỗ trợ của chính phủ trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19	CSCP	Lejano và Shankar (2013); Volberda và các cộng sự (2012)
	✓ <i>Chính sách về thuế (miễn, giảm, trả chậm)</i>	CS1	
	✓ <i>Chính sách hỗ trợ tài chính (tín dụng ưu đãi, tái cấu trúc nợ hiện có, trợ cấp, bảo lãnh vay vốn)</i>	CS2	
	✓ <i>Chính sách nới lỏng các quy định kinh doanh và lao động (thời gian lao động linh hoạt, cầm kết và chi phí tuyển dụng và sa thải...)</i>	CS3	
	✓ <i>Chính sách tài chính thương mại (miễn giảm thuế - phí xuất nhập khẩu, hỗ trợ thông thương, vận chuyển...)</i>	CS4	
3	Thực trạng kết nối chuỗi cung ứng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19	CCU	Wenzel và cộng sự (2020); Shafi và Ren (2020); Morikawa (2021)
	✓ <i>Khả năng tiếp cận thị trường nguyên vật liệu đầu vào</i>	CCU1	
	✓ <i>Khả năng tiếp cận thị trường sản phẩm đầu ra</i>	CCU2	
	✓ <i>Hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng</i>	CCU3	
4	Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ trong doanh nghiệp	SXKD	Volberda và các cộng sự (2012); Shafi và Ren (2020); Morikawa (2021)
	✓ <i>Năng suất lao động</i>	SXKD1	
	✓ <i>Quy mô lao động</i>	SXKD2	
	✓ <i>Môi trường, động lực làm việc</i>	SXKD3	
	✓ <i>Tình hình tài chính</i>	SXKD4	
5	Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	KQKD	Volberda và các cộng sự (2012); Wenzel và cộng sự (2020); Amankwah-Amoah và cộng sự (2020)
	✓ <i>Kết quả tài chính</i>	KQKD1	
	✓ <i>Kết quả thị trường (thị phần)</i>	KQKD2	
	✓ <i>Kết quả chiến lược (mục tiêu đề ra)</i>	KQKD3	
	✓ <i>Kết quả vận hành</i>	KQKD4	

+ Kết quả mô hình SEM cho thấy: ở ngưỡng tin cậy 95%, khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 (biến COVI) tác động tiêu cực trực tiếp đến kết quả kinh doanh (biến KQKD) của doanh nghiệp FDI với hệ số Estimate = -0,104 và Sig. = 0,015; nhưng lại tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ (biến SXKD) với hệ số Estimate = 0,184 và Sig. = 0,000; và không có tác động đáng kể đến khả năng

tiếp cận chuỗi cung ứng (biến CUU) của doanh nghiệp FDI với hệ số Estimate = -0,088 và Sig. = 0,131. Như vậy, *giả thuyết H1c được khẳng định đúng; giả thuyết H1a và H1b không được khẳng định đúng.*

Kết quả này chứng thực tác động tiêu cực của khủng hoảng dịch bệnh đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp FDI, bao gồm: kết quả tài chính, kết

Bảng 2: Mẫu khảo sát điều tra

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Người đại diện trả lời	216	%	Loại hình	216	%
HĐQT, Ban lãnh đạo	67	31,02%	100% vốn nước ngoài	128	59,26%
Quản lý (trưởng/phó)	130	60,19%	Liên doanh	76	35,19%
Khác (chuyên gia, thư ký)	19	8,80%	Khác (BOT, ...)	12	5,56%
Tỉnh/thành	216	%	Lĩnh vực kinh doanh	216	%
Hồ Chí Minh	64	29,63%	Nông lâm thủy sản	29	13,43%
Hà Nội	39	18,06%	Sản xuất, chế biến	45	20,83%
Bình Dương	28	12,96%	Thương mại, dịch vụ	75	34,72%
Đồng Nai	14	6,48%	Công nghiệp, xây dựng	57	26,39%
Bắc Ninh	12	5,56%	Khác (khai khoáng, ..)	10	4,63%
Long An	8	3,70%	Quy mô lao động	216	%
Hải Phòng	6	2,78%	< 10 người	6	2,78%
Đà Nẵng	5	2,31%	10-99 người	22	10,19%
Hưng Yên	4	1,85%	100-299 người	79	36,57%
Hải Dương	4	1,85%	300-999 người	91	42,13%
Khác	32	14,81%	1000 LĐ trở lên	18	8,33%
Năm thành lập	216	%	Doanh thu	216	%
< 3 năm	15	6,94%	Dưới 20 tỷ	7	3,24%
3 – 5 năm	94	43,52%	20 - dưới 100 tỷ	26	12,04%
6 – 10 năm	74	34,26%	100 - dưới 300 tỷ	44	20,37%
11 – 20 năm	24	11,11%	300 - dưới 1000 tỷ	78	36,11%
> 20 năm	9	4,17%	từ 1000 tỷ trở lên	61	28,24%

Nguồn: Khảo sát điều tra

quả thị trường (thị phần), kết quả chiến lược (mục tiêu đề ra) và kết quả vận hành. Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), bình quân cả nước, tỷ lệ doanh nghiệp FDI chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 tới kết quả kinh doanh là 74,5%. Nguyên nhân chủ yếu là do khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 đã làm giảm khả năng tiếp cận khách hàng, mất cân đối dòng tiền và khó khăn trong quản trị lao động của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam hiện nay. Trong đó, khả năng tiếp cận khách hàng bị suy giảm là nguyên nhân lớn nhất gây ra những tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI do các biện pháp thực hiện giãn cách xã hội, phong tỏa quốc gia đã làm hạn chế khả năng đi lại, giao thương và tìm kiếm khách hàng. Theo Báo cáo Tác động của dịch bệnh

COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Ngân hàng thế giới (WB) tại Việt Nam, doanh nghiệp FDI trong một số ngành có tỷ lệ chịu ảnh hưởng tiêu cực cao đến kết quả kinh doanh bao gồm bất động sản (100%), thông tin truyền thông (97%), và nông nghiệp/thủy sản (95%). Do những tác động của dịch Covid-19, có tới 62% doanh nghiệp FDI tại Việt Nam bị giảm doanh thu năm 2020 so với năm 2019. Mức giảm doanh thu trung bình với doanh nghiệp FDI là 34%. Doanh nghiệp FDI quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa có mức giảm doanh thu trung bình cao hơn so với những doanh nghiệp quy mô lớn. Đặc biệt, các doanh nghiệp FDI mới đi vào hoạt động dưới 3 năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19.

Bảng 3: Kết quả mô hình SEM

			Estimate	S.E.	C.R.	P
CCU	<---	COVI	-0,088	0,059	-1,508	0,131
CCU	<---	CSCP	0,128	0,057	2,248	0,025*
SXKD	<---	CCU	0,163	0,057	2,852	0,004**
SXKD	<---	COVI	0,184	0,046	4,039	0,000***
SXKD	<---	CSCP	-0,014	0,045	-0,315	0,753
KQKD	<---	CCU	-0,028	0,053	-0,529	0,597
KQKD	<---	CSCP	0,085	0,040	2,109	0,035*
KQKD	<---	COVI	-0,104	0,043	-2,427	0,015*
KQKD	<---	SXKD	0,268	0,065	4,117	0,000***
CSCP	<-->	COVI	-0,089	0,198	-0,449	0,654

Chi-square = 186,551

Degrees of freedom = 142

Probability level = 0,007

* có ý nghĩa thống kê với $p < .05$;

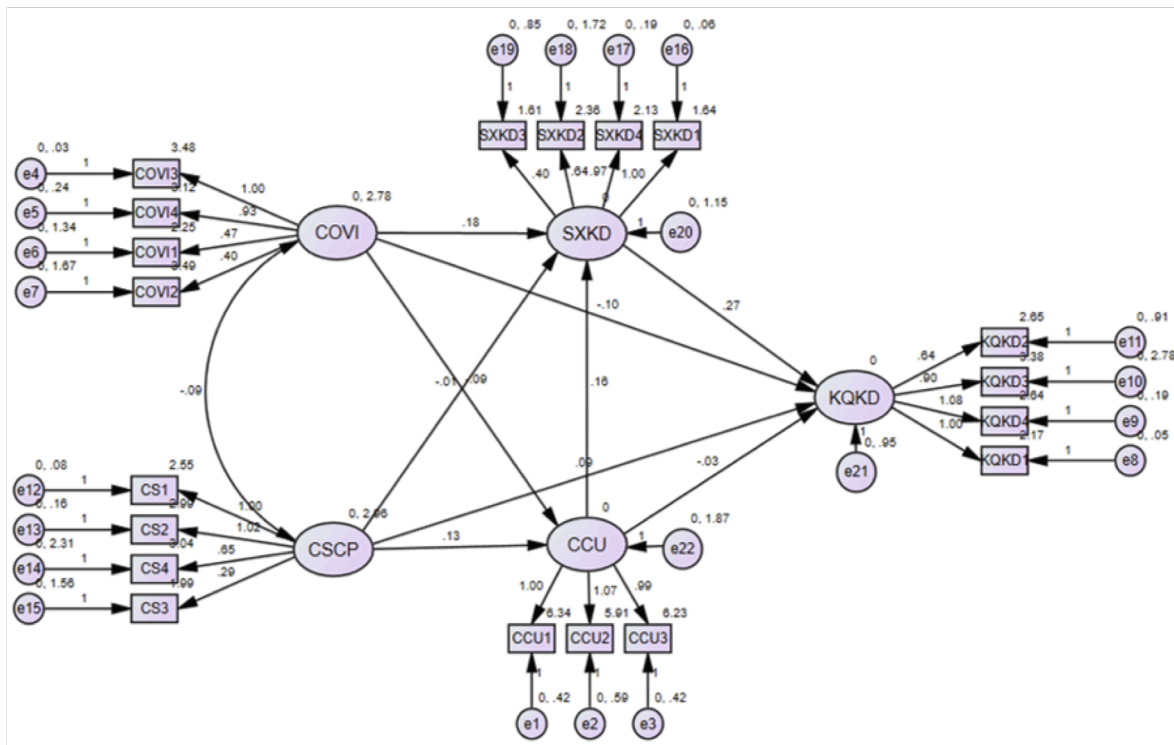
** có ý nghĩa thống kê với $p < .01$;

*** có ý nghĩa thống kê với $p < .001$.

CMIN/DF = 1,314; IFI = 0,985;

TLI = 0,981; CFI = 0,984;

RMSEA = 0,038; PCLOSE = 0,910



Hình 1: Kết quả nghiên cứu về tác động của dịch bệnh Covid-19 và các giải pháp chính sách hỗ trợ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FDI

Một kết quả đáng ngạc nhiên là dịch bệnh Covid-19 lại tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ của doanh nghiệp FDI. Mặc dù dịch bệnh Covid-19 khiến không ít doanh nghiệp FDI gặp khó khăn do chuyên gia nước ngoài không thể sang Việt Nam làm việc, số lượng lớn các doanh nghiệp FDI cũng không thể ra nước ngoài tiến hành các hoạt động giao thương theo kế hoạch; tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp FDI đã nhanh chóng điều chỉnh mô hình kinh doanh, đặc biệt là bằng cách đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và củng cố vị thế của họ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Hầu hết các doanh nghiệp FDI đã thực hiện một hoặc nhiều biện pháp ứng phó đối với dịch Covid-19. Biện pháp mà nhiều doanh nghiệp FDI thực hiện hơn cả là cấp độ bảo hộ phòng dịch cho người lao động. Tiếp đến là việc doanh nghiệp chủ động triển khai phương thức, mô hình làm việc mới, linh hoạt hơn. Dự trữ hàng hóa và nguyên vật liệu là giải pháp được nhiều doanh nghiệp FDI lựa chọn. Một số doanh nghiệp FDI đã tiến hành hoạt động đào tạo kỹ năng số cho người lao động để triển khai phương pháp làm việc trực tuyến. Như vậy, bối cảnh dịch bệnh khó khăn buộc các doanh nghiệp FDI phải tái tổ chức lao động, tối ưu hóa quy trình lao động nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của dịch bệnh, đảm bảo được năng suất lao động, quy mô lao động, môi trường, động lực làm việc, và tình hình tài chính.

Về khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng, kết quả hồi quy không tìm được mối quan hệ giữa khả năng này và khủng hoảng dịch bệnh. Điều này cho thấy các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam đã thích nghi nhanh chóng và có những điều chỉnh linh động phù hợp đối với chuỗi cung ứng mà họ tham gia. Mặc dù chuỗi cung ứng của nhiều doanh nghiệp FDI đã bị gián đoạn, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ sản xuất, dẫn tới chậm trả hàng cho đối Tác, giảm đơn hàng, sản lượng, phải trì hoãn, giãn tiến độ đầu tư thậm chí hủy dự án đang hoặc sẽ thực hiện, nhưng các doanh nghiệp đã tìm kiếm các giải pháp mới/thay thế chuỗi cung ứng hiệu quả. Đồng thời, Chính phủ cũng đã hỗ trợ quyết liệt các doanh nghiệp này trong việc khắc phục khó khăn về khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng với bối cảnh dịch bệnh hiện nay. Vì vậy, về cơ bản, khủng hoảng dịch bệnh không có tác động đến khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

+ Kết quả mô hình SEM cho thấy: các chính sách hỗ trợ của Chính phủ (biến CSCP) tác động tích cực đến kết quả kinh doanh (biến KQKD với hệ số Estimate = 0,085 và Sig. = 0,035), đến khả năng kết nối chuỗi cung ứng (biến CCU với hệ số Estimate = 0,128 và Sig. = 0,025); nhưng không có tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ (biến SXKD với hệ số Estimate = -0,014 và Sig. = 0,753) của doanh nghiệp FDI. Như vậy, *giả thuyết H2b và H2c được khẳng định đúng; giả thuyết H2a không được khẳng định đúng.*

Kết quả này chứng thực tác động tích cực của các chính sách của chính phủ đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp FDI. Trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh hiện nay, Chính phủ đã đưa ra hàng loạt các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nói chung, trong đó bao gồm cả các doanh nghiệp FDI tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/4/2020; gia hạn miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân chịu thiệt hại bởi dịch Covid-19; gói hỗ trợ tiền tệ - tín dụng... Bên cạnh đó, các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 và các chính sách khác, đã góp phần giúp các doanh nghiệp FDI giảm bớt khó khăn về tài chính, đảm bảo được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả tài chính, thị trường, chiến lược và vận hành. Nhìn chung, với các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ về tài khóa như việc giãn, hoãn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập, tiền thuê đất, các chính sách nới lỏng về tín dụng của các ngân hàng, cho vay với lãi suất bằng 0% để trả lương cho người lao động đã giúp các doanh nghiệp FDI vượt lên khó khăn, thử thách để khắc phục được những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, trên thực tế, cũng còn rất nhiều chính sách hỗ trợ chưa thể thực hiện do thiếu tính thực tế hoặc điều kiện quá chặt. Các doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện, gặp phải những rào cản, thủ tục phức tạp. Vì vậy, Chính phủ cần rà soát, giải quyết các vướng mắc, bất cập trong triển khai để có được những chính sách hỗ trợ tốt nhất cho các doanh nghiệp FDI.

Các chính sách của chính phủ cũng tác động tích cực của khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của

các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh toàn cầu. Hiện nay, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm khắc Phục khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI thông qua các cơ Chế, chính sách liên quan nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thị trường nguyên vật liệu đầu vào, khả năng tiếp cận thị trường sản phẩm đầu ra, và hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng. Cụ thể, các chính sách triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để ngày càng mở rộng, thiết lập các “vùng xanh” nhằm giúp các doanh nghiệp FDI tận dụng cơ hội, duy trì và phát triển được các hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng được các “vùng xanh” an toàn và kết nối các vùng này với nhau để tránh làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, đảm bảo khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI. Đồng thời, Chính phủ cũng tích cực thực hiện các chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa các cơ hội do các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mang lại. Điều này đã góp phần xử lý nhanh vấn đề ách tắc hàng hóa trong lưu thông, phân phối; nâng cao khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI. Ngoài ra, chuỗi cung ứng lao động cho các doanh nghiệp FDI hiện nay cũng được quan tâm sâu sắc, không để xảy ra tình trạng khủng hoảng về lao động, việc làm, đảm bảo cung ứng đủ lao động cho các doanh nghiệp FDI.

Mặc dù vậy, các chính sách của Chính phủ không tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ của các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh hiện nay. Do đa phần các chính sách của Chính phủ tập trung vào các biện pháp vĩ mô, xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ theo hướng tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp FDI trụ lại được và có khả năng vượt lên sau dịch Covid-19. Các chính sách hỗ trợ này cũng giúp các doanh nghiệp FDI tìm cơ hội kinh doanh trong bối cảnh mới, có thể vươn lên phục hồi tăng trưởng thời kỳ sau dịch bệnh. Vì vậy, các hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ của các doanh nghiệp FDI này vẫn do các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định và triển khai các biện pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp.

5. Giải pháp

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số giải pháp sau:

Nhóm giải pháp từ phía doanh nghiệp FDI:

Một là, để khắc phục tác động tiêu cực của khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 đến kết quả kinh doanh, các doanh nghiệp FDI cần thay đổi linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành doanh nghiệp để phù hợp với môi trường kinh doanh mới trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay. Đặc biệt là việc thích nghi với xu hướng làm việc từ xa (tại nhà), lao động khó khăn, không thể đảm bảo tính liên tục bởi giãn cách xã hội; nguyên vật liệu đầu vào khó tiếp cận, đặc biệt nguồn nhập khẩu; nhu cầu giảm do thị trường bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, đặc biệt thị trường xuất khẩu quốc tế; và các thủ tục quy trình phức tạp hơn vì kiểm dịch, phòng chống dịch trong nước và tại các thị trường thế giới. Đặc biệt, theo kết quả nghiên cứu, khủng hoảng dịch bệnh tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ của các doanh nghiệp FDI; vì vậy, các doanh nghiệp cần tận dụng những điều kiện thuận lợi này của hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ để thúc đẩy kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Hai là, để giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh, các doanh nghiệp FDI cần chú trọng đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu, không chỉ phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Bởi vì nhiều doanh nghiệp FDI có nguồn cung nguyên liệu từ các nước khác nên khi có biến động từ thị trường nguồn cung thì số lượng các doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực khá nhiều. Do vậy, việc hạn chế thấp nhất nhập khẩu nguyên liệu rất cần thiết trong giai đoạn này, kết hợp với hợp tác song phương giữa các doanh nghiệp và tìm kiếm nguồn nguyên liệu trong nước để thay thế cũng góp phần cải thiện tình hình cho doanh nghiệp.

Ba là, để hạn chế tác động tiêu cực của khủng hoảng dịch bệnh đến kết quả kinh doanh, các doanh nghiệp FDI cần chú trọng cải thiện khả năng tiếp cận khách hàng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào hoạt động này trong bối cảnh giãn cách xã hội. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp này cần chú trọng khắc phục tình trạng mất cân đối dòng tiền và khó khăn trong quản trị lao động. Giải pháp này cho phép đảm bảo lượng khách hàng ổn định và không để kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI suy giảm quá trầm trọng.

Bốn là, các doanh nghiệp FDI cần có những biện pháp phòng ngừa, nhằm hạn chế mức độ lây lan có thể ảnh hưởng nhiều hơn đến dây chuyền sản xuất. Để có thể tiến hành sản xuất và kinh doanh trở lại, việc đảm bảo một môi trường an toàn cho người lao động rất quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến năng suất và quy mô lao động của doanh nghiệp - hai yếu tố chủ yếu tác động đến sản lượng và kết quả lao động.

Nhóm giải pháp từ phía nhà nước:

Một là, Nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể, chi tiết và đầy đủ về các thủ tục, quy trình thực hiện nhận hỗ trợ theo hướng đơn giản, dễ thực hiện đối với các doanh nghiệp FDI. Cùng với đó, Nhà nước cần nỗ lực cải thiện hệ thống pháp luật và tháo gỡ các nút thắt về thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Hai là, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương cần thường xuyên đối thoại, trao đổi với cộng đồng doanh nghiệp FDI, góp phần tìm ra được tiếng nói chung trong thúc đẩy hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ. Từ đó, giúp cải thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp FDI bị ảnh hưởng từ dịch Covid-19, hỗ trợ mang tính dài hạn hơn cho cộng đồng doanh nghiệp FDI. Đồng thời, đảm bảo những chính sách hỗ trợ đã ban hành nhanh đi vào thực tiễn nhất, phù hợp với các doanh nghiệp FDI từng ngành, từng lĩnh vực và từng giai đoạn.

Ba là, Nhà nước cần tiếp tục các chính sách miễn, giảm các loại thuế, phí và tiền thuê đất năm và mở rộng đối tượng được gia hạn nộp thuế. Trước tình hình hiện tại, các giai đoạn giãn cách xã hội và cách ly do dịch lan rộng vẫn chưa chấm dứt, ảnh hưởng lớn đến tính liên tục của hoạt động sản xuất và kinh doanh, các hỗ trợ về tài chính bằng cách miễn, giảm thuế và phí rất cấp thiết để các doanh nghiệp FDI có thể xoay sở đến khi các hoạt động quay trở lại.

Bốn là, Nhà nước nên xây dựng và hoạch định chiến lược về thuế và quyền lợi của doanh nghiệp FDI trong thời gian lâu dài để đảm bảo doanh nghiệp có thể phát triển khi đầu tư. Vấn đề đánh thuế lên các doanh nghiệp FDI cũng như vai trò của doanh nghiệp đối với nước được đầu tư rất quan trọng, nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, đẩy nhanh tiến trình phục hồi nền kinh tế trong nước.

Năm là, Nhà nước cần triển khai nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp FDI trong việc giải quyết sản lượng đầu ra như: tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, hỗ trợ thuế, phí xuất khẩu, kích cầu tiêu thụ trong nước... Việc đứt gãy chuỗi cung ứng và giám sát nguồn cầu sản phẩm, đã làm hàng hóa bị ứ đọng và không có nguồn tiêu thụ. Do đó, các hoạt động kêu gọi cứu trợ, kích cầu mua bán dưới danh nghĩa Nhà Nước sẽ là một biện pháp tốt cho cả doanh nghiệp và người mua khi hàng hóa có đầu ra và không bị bán phá giá, gây thua lỗ cho doanh nghiệp FDI.

6. Kết luận

Bài viết phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh Covid-19. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI; nhưng lại tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ và không có tác động đáng kể đến khả năng tiếp cận chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp này. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ thời gian qua đã tác động tích cực đến kết quả kinh doanh, đến khả năng kết nối chuỗi cung ứng; nhưng không có tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh nội bộ của các doanh nghiệp FDI.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất hai nhóm giải pháp đến doanh nghiệp FDI và Nhà nước nhằm hỗ trợ giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh khủng hoảng dịch bệnh như hiện nay. Trong đó, đối với các doanh nghiệp FDI cần thay đổi linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành doanh nghiệp để phù hợp với môi trường kinh doanh mới trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay. Bên cạnh đó, để hạn chế tác động tiêu cực của khủng hoảng dịch bệnh đến kết quả kinh doanh, các doanh nghiệp FDI cần chú trọng cải thiện khả năng tiếp cận khách hàng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào hoạt động này trong bối cảnh giãn cách xã hội. Đối với Nhà nước, Nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể về các thủ tục, quy trình thực hiện nhận hỗ trợ theo hướng đơn giản đối với các doanh nghiệp FDI. Đồng thời, Nhà nước cần nỗ lực tháo gỡ các nút thắt về thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp FDI trong bối cảnh đầy khó khăn như hiện nay. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Amankwah-Amoah Joseph, Khan Zaheer, Wood Geoffrey (2020), *COVID-19 and business failures: The paradoxes of experience, scale, and scope for theory and practice*, European Management Journal, Volume 39, Issue 2, Pages 179-184.

2. Chính phủ (2020), *Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch covid-19*, Nghị quyết Chính phủ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

3. Dunning JH. (1980), *Toward an Eclectic Theory of International Production: Some Empirical Tests*, Journal of International Business Studies, 11 (Spring/Summer), p.9-31.

4. Gammeltoft P., Filatov I., Hobdari B. (2012), *Emerging multinational companies and strategic fit: A contingency framework and future research agenda*, European Management Journal, 30(3), 175e188.

5. Lejano R.P., Shankar S. (2013), *The contextualist turn and schematics of institutional fit: Theory and a case study from Southern India*, Policy Sciences, 46, 83e102.

6. NEU-JICA (2020), *Đánh giá các chính sách ứng phó với covid-19 và các khuyến nghị*, NEU-JICA.

7. Nguyễn Quang Thuán (2020), *Tác động của đại dịch COVID-19 và một số giải pháp chính sách cho Việt Nam trong giai đoạn tới*, Tạp chí Cộng sản, ngày 23-09-2020.

8. Shafi Mohsin, Ren Junrong Liu Wenju (2020), *Impact of COVID-19 pandemic on micro, small, and medium-sized Enterprises operating in Pakistan*, Research in Globalization, Volume 2, 100018.

9. Quốc hội Việt Nam (2020), *Luật Đầu tư 2020*, Luật số 61/2020/QH14.

10. Root F. (1987), *Entry Strategies for International Markets*, New York : Lexington.

11. VCCI (2020), *Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020*, VCCI.

12. Volberda H. W., van der Weerdt N., Verwaal E., Stienstra M., Verdu A.J. (2012), *Contingency fit,*

institutional fit, and firm performance: A metafit approach to organizationenvironment relationships, Organization Science, 23(4), 1040e1054.

13. Wenzel M., Stanske S., Lieberman M. B. (2020), *Strategic responses to crisis*, Strategic Management Journal, 41, V7-V18.

14. Morikawa Masayuki (2021), *Productivity of firms using relief policies during the COVID-19 crisis*, Economics Letters, Volume 203, 109869.

15. Chính phủ (2020), *Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19*, Chỉ thị Chính phủ số 11/TTg.

16. OECD (2008), *OECD Benchmark Definition of Foreign Direct Investment*, OECD, Fourth Edition.

17. WTO (1996), *Trade and foreign direct investment*, WTO news: press releases.

Summary

The paper studies the impacts of the Covid-19 epidemic crisis and governmental policies on the business performance of FDI enterprises in Vietnam. The research results show that the Covid-19 pandemic influences negatively the business performance of FDI enterprises; but positively their internal business organization; and no impact on their supply chain accessibility. Also, the Government's supportive policies have a positive impact on their business performance and their supply chain accessibility; but no impact on the internal business organization of FDI enterprises. On these bases, we propose some recommendations to FDI enterprises and the State of Vietnam for supporting FDI enterprises in the context of the epidemic crisis.